

Bản án số: 33/2020/HSST

Ngày: 10 - 4 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hồng Trang

Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Hải Minh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Bá Võ

Ông Đinh Văn Công

Ông Nguyễn Phan Tĩnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Anh. Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa:

Ông Hoàng Văn Tuyên - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 11/2020/TLST-HS, ngày 16 tháng 01 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2020/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 2 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Thị T**; Tên gọi khác: không; Sinh ngày 23 tháng 10 năm 1977 tại huyện H, tỉnh Nghệ An; Nơi cư trú: Xóm T, xã H1, huyện H, tỉnh Nghệ An; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 10/12, Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn H và bà: Nguyễn Thị T1; Chồng: Nguyễn Văn N; Con: có: có 1 con; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 27/8/2019, bị Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An xử phạt 9 (chín) tháng tù cho hưởng án treo thử thách 18 tháng về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/9/2019 đến nay. Có mặt

- Luật sư bào chữa cho bị cáo: Bà Nguyễn Thị Hương, Văn phòng luật sư số 1, Đoàn luật sư tỉnh Nghệ An. Có mặt

- Bị hại: Chị Đặng Thị N; sinh năm: 1966 và Anh Trần Văn H, sinh năm: 1962. Cả hai đều trú tại: Xóm M, xã H, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Đều có mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị T và Trần Văn N1 (Con chị N) có mối quan hệ quen biết nhau từ cuối năm 2017. Do T vay mượn tiền của nhiều người và mất khả năng chi trả, T nảy sinh mục đích lừa chị N để chiếm đoạt tiền. Do biết N1 có nhu cầu đi lao động ở Mỹ, T đã đến nhà chị N nói với chị N, T có người nhà bên Mỹ sẽ xin được cho N1 đi lao động ở Mỹ với chi phí là 30.000.000 USD (Ba mươi nghìn đô la Mỹ), công việc làm Neo (son móng tay, móng chân), lương hàng tháng là 50 đến 60 triệu đồng, nghe vậy chị N đồng ý (thực tế T không có ai là người nhà bên Mỹ). Tháng 2/2018, vì đã có mục đích lừa để chiếm đoạt tiền chị N trước đó, T đã đến nhà chị N tự đưa ra thông tin là phải chứng minh tài sản nếu muốn xin cho N1 đi lao động ở Mỹ, T nói chị N đưa cho T giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình để T làm thủ tục thế chấp Ngân hàng, theo lời T thì việc thế chấp tài sản chỉ là thủ tục giả (làm ảo) để hợp thức hóa hồ sơ, không thế chấp bằng tiền, tài sản thế chấp của chị N cũng không mất đi. Tin lời T, chị N đồng ý và đã đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 107, tờ bản đồ số 07 tại xóm M, xã H, TP V đứng tên Trần Văn H và Đặng Thị N để T liên hệ thế chấp Ngân hàng. Sở phía Ngân hàng và chị N phát hiện mục đích lừa đảo của T, T đã nói với chị N khi nào giao dịch với Ngân hàng thì giới thiệu T là con gái, tin lời T trong thời gian giao dịch với Ngân hàng để thế chấp tài sản, anh H, chị N đã giới thiệu T là con gái của mình. Sau đó T tự đến Ngân hàng Đ địa chỉ 212 đường L, phường L, TP V để liên hệ làm thủ tục thế chấp, chị Ngô Thị Kim N2 cán bộ Ngân hàng là người trực tiếp hướng dẫn, tư vấn làm thủ tục thế chấp tài sản với T. Trong thời gian trao đổi công việc với chị N2 và phía Ngân hàng, T giới thiệu là con gái chị N. Sau khi được Ngân hàng thẩm định tài sản, xác minh mối quan hệ của T, chị N và anh H, phía Ngân hàng đã đồng ý và thông báo cho T biết tài sản của chị N anh H thế chấp với số tiền là 800.000.000 đồng (tám trăm triệu đồng) triệu đồng và yêu cầu T nói anh H chị N đến ký giấy tờ làm thủ tục thế chấp. Ngày 9/2/2019, T đã đưa anh H, chị N đến Ngân hàng Đ làm thủ tục ký điểm chỉ các giấy tờ thế chấp tài sản là thửa đất nói trên, trong đó có giấy Ủy nhiệm chỉ anh H ký giải ngân số tiền thế chấp tài sản là 800.000.000 đồng (tám trăm triệu đồng) cho Nguyễn Văn N3 trú tại xóm T, K, xã H1, huyện H (là chồng của T). Sau khi anh H, chị N làm xong thủ tục, vì biết Ngân hàng sẽ giải ngân số tiền thế chấp trong buổi chiều, sợ anh H, chị N phát hiện, T đã nói anh H, chị N về trước. Anh H, chị N về được một lúc, phía Ngân hàng thông báo cho T sẽ giải ngân tiền và nói chồng đến nhận, T đã điện thoại cho chồng là Nguyễn Văn N3 đến Ngân hàng để làm thủ tục nhận tiền, sau khi kiểm tra thông tin từ Nguyễn Văn N3, Ngân hàng Đ đã giải

ngân số tiền 800.000.000 đồng (tám trăm triệu đồng) cho Ninh. Số tiền này nhận xong, N3 đã đưa hết cho T. Sau đó ít ngày (vào thời gian giáp tết nguyên đán), T lừa nói chị N để T đưa N1 đi Sài Gòn làm thủ tục đi Mỹ, ngày 14/2/2018, khi đang ở Sài Gòn, lấy lý do có người nhà từ Mỹ về Việt Nam và sẽ đưa N1 đi Mỹ sau khi ăn tết xong, T điện thoại nói chị N chuyển cho T số tiền 200 triệu đồng để T chi trả cho việc xin cho N1 đi lao động ở Mỹ. Trong ngày chị N đã chuyển số tiền này cho Nguyễn Văn B (em của T sau đó Bắc đã chuyển khoản cho T số tiền này. ngày 21/2/2018, sau khi từ Sài Gòn về, tiếp tục lấy lý do lo thủ tục cho N1 đi lao động ở Mỹ còn thiếu, T đến nhà chị N nhận tiếp số tiền 100 triệu đồng.

Tổng số tiền mà T đã chiếm đoạt của chị N là: 1.100.000.000 đồng (Một tỷ một trăm triệu đồng), gồm 800.000.000 đồng (tám trăm triệu đồng) tiền lừa thế chấp tài sản, 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) nhận trực tiếp từ chị N, T không sử dụng vào mục đích xin cho N1 đi lao động ở Mỹ mà sử dụng vào việc chi trả tiền T vay nợ trước đó.

Về dân sự: Trong quá trình điều tra, T khai thời gian trước khi phạm tội T đã cho chị Đặng Thị N vay số tiền 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng) và đề nghị Cơ quan điều tra xác minh và trừ số tiền này cho T trong phần khắc phục hậu quả, chị Đặng Thị N đã đồng ý nội dung này và yêu cầu Nguyễn Thị T trả lại số tiền 1.085.000.000 đồng (Một tỷ không trăm tám mươi lăm triệu đồng).

Bản cáo trạng số 28/VKS - P2 ngày 15 tháng 01 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An truy tố bị cáo Nguyễn Thị T về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An giữ nguyên nội dung cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174, điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T từ 15 năm đến 16 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Về hình phạt bổ sung: Hoàn cảnh kinh tế gia đình bị cáo khó khăn nên miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền cho bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Thị T trả lại số tiền 1.085.000.000 đồng cho chị Đặng Thị N và số tiền phải trả lãi xuất cho Ngân hàng theo hợp đồng vay nợ.

Về vật chứng và án phí, đề nghị Hội đồng xét xử xử lý theo quy định của pháp luật.

Phản tranh luận:

Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị T phát biểu: Về tội danh thì bị cáo đã thừa nhận nên không có ý kiến tranh luận. Bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, đã khắc phục một phần thiệt hại cho

gia đình bị hại nên đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo mức án nhẹ hơn mức án mà Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Thị T đồng ý với quan điểm của luật sư bào chữa và không tranh luận gì với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An.

Bị hại không tranh luận gì với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo Nguyễn Thị T bồi thường số tiền chiếm đoạt 1.085.000.000 đồng và số tiền mà gia đình phải trả lãi xuất cho Ngân hàng là 75.000.000 đồng. Tổng là 1.160.000.000 đồng.

Bị cáo đồng ý bồi thường cho bị hại theo quy định của pháp luật và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị T hoàn toàn thừa nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng của Viện kiểm sát đã quy kết. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai nhận trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Như vậy có đủ căn cứ khẳng định: Tháng 2/2018, lợi dụng lòng tin của chị Đặng Thị N bằng thủ đoạn gian dối xin cho con chị N là Trần Văn N1 đi lao động ở Mỹ, T nói chị N đưa cho T giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình để T làm thủ tục thế chấp Ngân hàng, theo lời T thì việc thế chấp tài sản chỉ là thủ tục giả (làm ảo) để hợp thức hóa hồ sơ, không thế chấp bằng tiền, tài sản thế chấp của chị N cũng không mất đi. Tin lời T, chị N đồng ý và đã đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 107, tờ bản đồ số 07 tại xóm M, xã H, Thành phố V đứng tên Trần Văn H và Đặng Thị N để T liên hệ thế chấp Ngân hàng Đ vay 800.000.000 đồng. Ngày 14/02/2018 và ngày 21/02/2019 Nguyễn Thị T tiếp tục yêu cầu bà N số tiền 300.000.000 đồng. Tổng số tiền mà bị cáo chiếm đoạt của chị Đặng Thị N là 1.100.000.000 đồng, số tiền chiếm đoạt được bị cáo T trả nợ và tiêu cá nhân hết. Hành vi của Nguyễn Thị T đối chiếu với các quy định của Bộ luật hình sự đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015. Xét, tổng số tiền mà bị cáo lừa đảo chiếm đoạt là trên 500.000.000 đồng vì vậy Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An truy tố để xét xử bị cáo theo điểm a khoản 4 điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Xét các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ của bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng: Không

Về tình tiết giảm nhẹ: Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát và luật sư bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử xét

thấy, tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo hành vi phạm tội nên được hưởng tình tiết “thành khẩn khai báo” là đúng quy định. Nhưng trong quá trình điều tra cho đến nay, bị cáo T không bồi thường được khoản tiền nào cho bị hại (bị hại chỉ đồng ý trừ nợ đi số tiền 15.000.000 đồng do vay nợ trước đây”. Do đó, bị cáo không được hưởng tình tiết “bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả” theo điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[3] Xét tính chất vụ án thấy rằng:

Hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Thị T là nguy hiểm cho xã hội và thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng, hành vi của bị cáo không những xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn ảnh hưởng nghiêm trọng đến cuộc sống, gây tâm lý hoang mang cho người dân. Sau khi thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản đối với chị N thì bị cáo tiếp tục thực hiện hành vi lừa đảo và bị Tòa án nhân dân thành phố Vinh xử phạt 9 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” thể hiện sự coi thường pháp luật của bị cáo. Vì vậy, cần phải xử phạt bị cáo một mức án thật nghiêm minh và cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian dài để bị cáo cố gắng lao động, cải tạo thành người có ích cho xã hội và có tác dụng phòng ngừa chung.

Ngày 27/8/2019, bị cáo Nguyễn Thị T bị Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An xử phạt 9 (chín) tháng tù cho hưởng án treo thử thách 18 tháng về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Như vậy, bị cáo bị xét xử về hành vi phạm tội trước khi bị Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An xử phạt tù cho hưởng án treo. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì bị cáo Nguyễn Thị T phải đồng chấp hành 02 bản án theo quy định của pháp luật.

[4] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có tài sản, hoàn cảnh kinh tế khó khăn, đang phải tiếp tục trả lại số tiền chiếm đoạt cho bị hại, nên không có khả năng thi hành hình phạt bổ sung. Do đó, miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo Nguyễn Thị T.

[5] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Nghệ An, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Chị Đặng Thị N và anh Trần Văn H đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải bồi thường tổng số tiền 1.160.000.000 đồng, trong đó 1.085.000.000 đồng bị chiếm đoạt và yêu cầu bị cáo phải chịu trách nhiệm trả số tiền lãi xuất theo hợp đồng tín dụng là 75.000.000 đồng. Căn cứ vào các tài liệu có tại hồ sơ thấy rằng bị cáo dùng thủ đoạn gian dối để gia đình chị N

phải vay vốn tại Ngân hàng Thương Mại TNHH-MTV Đ thời hạn 12 tháng, gia đình chị N đã phải trả cho Ngân hàng số tiền lãi xuất là 75.000.000 đồng, số tiền lãi xuất trên là hậu quả của hành vi lừa đảo của bị cáo nên cần buộc bị cáo Nguyễn Thị T phải trả khoản tiền này là đúng pháp luật.

[7] Trong vụ án này có Nguyễn Văn N3 (Chồng của T) và Nguyễn Văn B (Em trai T) quá trình điều tra Bắc chỉ cho T mượn tài khoản để chuyển tiền không biết chuyển tiền làm gì nên không đồng phạm với T, còn Nguyễn Văn N3 Cơ quan Cảnh sát điều tra triệu tập nhưng Ninh không có mặt tại địa phương, Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra làm rõ, nếu có căn cứ sẽ xử lý sau nên Hội đồng xét xử miễn xét.

Tại phiên tòa, chị Đặng Thị N và anh Trần Văn H khai nhận là sau khi hết hạn vay trong hợp đồng tín dụng thì Ngân hàng Thương Mại TNHH-MTV Đ không cho đảo khế nhận nợ mà đã tiến hành xử lý tài sản của gia đình, gia đình chị N đã thực hiện xong các thủ tục với Ngân hàng, không có yêu cầu xem xét hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp đối với Ngân hàng Thương Mại TNHH-MTV Đ, nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[8] Về vật chứng: Vật chứng là tài liệu chứng cứ của vụ án nên cần lưu trong hồ sơ vụ án.

[9] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thị T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng điểm a khoản 4 điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T **15** (Mười lăm) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 13/9/2019. Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo Nguyễn Thị T.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 584 Bộ luật dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Thị T phải trả cho chị Đặng Thị N và anh Trần Văn H số tiền 1.160.000.000 đồng (một tỷ, một trăm, sáu mươi triệu đồng)

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bị cáo Nguyễn Thị T phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 46.800.000 đồng (bốn mươi sáu triệu, tám trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số

tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6 ,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Bị cáo, bị hại có mặt có quyền kháng cáo Bản án lên Tòa án nhân dân Cấp cao tại Hà Nội trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày xét xử sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại HN;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Trại tạm giam CA tỉnh Nghệ An;
- Cơ quan CSĐT CA tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- Người tham gia tố tụng;
- Bị cáo, luật sư;
- UBND;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hồng Trang